

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **29 tháng 6 năm 2020**

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuronne

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày **29 tháng 6 năm 2020** tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị Ngọc P, địa chỉ: XX, ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Vị T, địa chỉ: YY, ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc P trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Vị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 17/12/2010. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Vĩnh T1 sinh ngày 19/10/2011 và Nguyễn Phương T2 sinh ngày 23/9/2013. Quá trình chung sống do ông T thường xuyên rượu chè không quan tâm đến gia đình, vợ con, nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nay bà P xin ly hôn ông T; về con chung, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 cháu T1 và T2, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng đến khi các cháu thành niên; về tài sản chung và nợ, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Vĩ T trình bày: Ông T thừa nhận phần trình bày của bà P về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông T cho biết từ khi vợ chồng cưới nhau năm 2010 sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nhưng bà P lại muốn ly hôn. Ông T cho biết ông vẫn còn thương vợ con nên muốn hàn gắn, đoàn tụ. Nếu phải ly hôn thì về con chung ông T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ ông T không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi, buộc ông T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà P nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè không quan tâm chăm lo đến gia đình, vợ con, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà P yêu cầu ly hôn ông T. Về phía ông T, ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và muốn hàn gắn; trên thực tế, bà P và ông T đang sống ly thân đã hơn 02 năm nay. Khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành phiên hòa giải, dành thời gian hợp lý để ông T, bà P có cơ hội hàn gắn; mặt khác, Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương nơi vợ chồng bà P, ông T thường xuyên sinh sống, nhưng không thu thập được kết quả về nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà P kiên quyết xin ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông T nữa, ông T thì muốn hàn gắn nhưng không được bà P chấp nhận; do đó xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung chưa thành niên là cháu T1 sinh năm 2011 và cháu T2 sinh năm 2013, bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu ông T cấp dưỡng; ông T thì yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai thì người đó nuôi không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của các con chung chưa thành niên thì cả hai cháu (T1 và T2) đều cho biết nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02

con chung cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng với yêu cầu của cả bà P và ông T và cũng đáp ứng được nguyện vọng của các cháu. Ông T không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng, để đảm bảo quyền lợi của các con chung chưa thành niên và tại phiên tòa, sau khi được giải thích khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, ông T đã đồng ý việc cấp dưỡng và thỏa thuận được với bà P về mức cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận để buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng này là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bị đơn là người bị buộc cấp dưỡng phải chịu án phí cấp dưỡng theo các quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và [điểm a khoản 6](#) Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 271, 273 và [Điều 482](#) của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và [Điều 110](#) của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và [điểm a khoản 6](#) Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Ngọc P được ly hôn ông Nguyễn Vị T.

- *Về con chung:* Giao 02 cháu Nguyễn Vĩnh T1 sinh ngày 19/10/2011 và Nguyễn Phương T2 sinh ngày 23/9/2013 cho bà Phạm Thị Ngọc P để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; buộc ông

Nguyễn Vị T có nghĩa vụ **cấp dưỡng** nuôi 02 người con chung với mức 1.200.000 đồng/tháng/người; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu T1 và T2 đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được cản trở.

Quyết định của Bản án sơ thẩm về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## 2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002664, ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

- Ông Nguyễn Vị T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

## Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- **UBND xã Đ, huyện K-ST;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**